TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 89/2018/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 18 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1627/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc "ly hôn", giữa:

Nguyên đơn : Bà Trần Thị Thanh T

Địa chỉ: 61/40/28 Đường N, Phường M, quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh

Bị đơn : Ông Nguyễn Viết K

Địa chỉ: 61/40/28 Đường N, Phường M, quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự trong vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 1627/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc "ly hôn"

XÉT THẤY :

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa :

Bà Trần Thị Thanh T

Địa chỉ: 61/40/28 Đường N, Phường M, quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh

Ông Nguyễn Viết K

Địa chỉ: 61/40/28 Đường N, Phường M, quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Viết K đồng ý thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 95, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/9/2005 nay không còn giá trị).

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tiến Đ (sinh ngày 13/12/2006) và Nguyễn Minh K (sinh ngày 11/8/2010). Cả hai thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Minh K cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm dừng việc cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Viết K, được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông K có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Trong trường hợp ông K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông K.

Bà T có quyền yêu cầu ông K thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều 82 Luật hôn nhân gia đình; Bà T có quyền yêu cầu ông K và các thành viên gia đình của ông K tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Bà T và các thành viên trong gia đình của mình không được cản trở ông K trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Trên cơ sở lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của bà T, ông K hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi bà T, ông K có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật hôn nhân gia đình, ông K, bà T hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

Về án phí LHST: Án phí hòa giải thành là 150.000 đồng. Bà T, ông K mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Bà T tự nguyện chịu án phí thay ông K và được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T đã tạm đóng theo biên lai thu số AA/2017/0028115 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Hoàn lại cho bà T số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Tài